

ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOẢ B16KDN_ TRỪ KINH TẾ
TÊN HỌC PHẦN: VIẾT TIẾNG VIỆT
MÃ HỌC PHẦN : COM - 102

ĐỢT HỌC 3
TÍN CHỈ 2
LẦN THI 1

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
					A	P	BÀI 1	BÀI 2	BÀI 3	BÀI 4	BÀI 5	G	F	SỐ		CHỮ
					15		10	15	15	15	10		20	100		
1	162310368	Mai Thị Thúy	An	B16KDN	10		6.5	7	7.5	7	7		7	7.5	Baý pháy Nàm	
2	162310381	Nguyễn Thị Thu	Hà	B16KDN	10		6.5	7.5	7	7	7.5		6	7.3	Baý pháy Ba	
3	162320238	Phạm Thị Trường	An	B16KDN	10		7.5	6.5	6.5	6.5	7.5		7	7.3	Baý pháy Ba	
4	162320239	Trịnh Thị Hà	An	B16KDN	10		7.5	7	7	6	7.5		7.5	7.5	Baý pháy Nàm	
5	162320240	Doãn Thị Lan	Anh	B16KDN	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP
6	162320241	Đặng Thị Lan	Anh	B16KDN	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP
7	162320242	Hoàng Trần Hải	Anh	B16KDN	10		6.5	7	7.5	6	7.5		6	7.2	Baý pháy Hai	
8	162320244	Phạm Thị Vân	Anh	B16KDN	10		7.5	6.5	5	8	8		7	7.4	Baý pháy Bẩu	
9	162320246	Trương Thị Kim	Anh	B16KDN	10		7.5	7	7.5	6.5	7.5		6.5	7.5	Baý pháy Nàm	
10	162320247	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	B16KDN	10		7	6.5	7.5	6.5	8		8	7.7	Baý pháy Baý	
11	162320248	Trịnh Minh Nhật	Ánh	B16KDN	10		8	8.5	8.5	8.5	8.5		7	8.4	Tằm pháy Bẩu	
12	162320250	Phan Thị Thu	Diễm	B16KDN	10		8	8	7.5	6.5	8.5		8.5	8.2	Tằm pháy Hai	
13	162320251	Nguyễn Thị	Diệu	B16KDN	9		5	7.5	7.5	8.5	8.5		6	7.4	Baý pháy Bẩu	
14	162320252	Nguyễn Ngọc Phương	Dung	B16KDN	9		7	7	8.5	7	8.5		8	7.9	Baý pháy Chèn	
15	162320253	Tạ Thị	Dung	B16KDN	10		7	7	5	8.5	8.5		7.5	7.6	Baý pháy Sẩu	
16	162320257	Nguyễn Thị	Hà	B16KDN	10		7.5	7.5	7	5	7.5		6	7.1	Baý pháy Mắi	
17	162320258	Nguyễn Thị Thu	Hà	B16KDN	10		8	8	7	8	8		8	8.2	Tằm pháy Hai	
18	162320261	Đinh Thị Hồng	Hạnh	B16KDN	10		7.5	8	6.5	7	8		8	7.9	Baý pháy Chèn	
19	162320262	Đinh Thị Mỹ	Hạnh	B16KDN	9		6	6	6.5	5	6.5		6	6.4	Sẩu pháy Bẩu	
20	162320263	Võ Thị Mỹ	Hạnh	B16KDN	9		8	8	6	7.5	8		7	7.6	Baý pháy Sẩu	
21	162320264	Lê Thị	Hằng	B16KDN	10		8	7	8.5	7	8.5		6.5	7.8	Baý pháy Tằm	
22	162320265	Trịnh Thị	Hằng	B16KDN	10		7.5	6.5	7.5	7.5	7.5		5.5	7.3	Baý pháy Ba	
23	162320266	Phạm Thị	Hân	B16KDN	10		7	7	8	8	8		7	7.9	Baý pháy Chèn	
24	162320267	Lê Thị	Hiền	B16KDN	9		7.5	7	7	6.5	7.5		6.5	7.2	Baý pháy Hai	
25	162320268	Nguyễn Thị Thu	Hiền	B16KDN	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP
26	162320269	Võ Thị Thu	Hiền	B16KDN	10		7	7.5	7.5	8	8		7.5	8.0	Tằm	
27	162320271	Ngô Thị Minh	Hiếu	B16KDN	10		7	7	6.5	5	7		6.5	7.0	Baý	
28	162320273	Nguyễn Thị Thanh	Hồng	B16KDN	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP
29	162320277	Nguyễn Thị	Huyền	B16KDN	10		8	7	9	6.5	9		7.5	8.1	Tằm pháy Mắi	
30	162320280	Trương Thị Hương	Huyền	B16KDN	10		7	6.5	7	7	7		6.5	7.3	Baý pháy Ba	
31	162320283	Phạm Thiên	Hương	B16KDN	10		6.5	8	8.5	8	8.5		8	8.3	Tằm pháy Ba	
32	162320284	Võ Thị Xuân	Hương	B16KDN	10		7.5	5	7.5	6.5	7.5		5.5	7.0	Baý	
33	162320285	Trương Thị	Hường	B16KDN	10		6.5	7	7	8	8		7	7.7	Baý pháy Baý	
34	162320287	Võ Thị	Kiều	B16KDN	10		7.5	7.5	8	5	8		8	7.7	Baý pháy Baý	
35	162320288	Ngô Thị Phương	Lan	B16KDN	10		8.5	9	8.5	8	9		8.5	8.8	Tằm pháy Tằm	
36	162320291	Lê Thị	Liên	B16KDN	10		7.5	6.5	6.5	5.5	7.5		6	7.0	Baý	
37	162320293	Ngô Thị Mỹ	Linh	B16KDN	10		6.5	6.5	7	6.5	7		6.5	7.2	Baý pháy Hai	
38	162320294	Huỳnh Thị Mỹ	Loan	B16KDN	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP
39	162320295	Nguyễn Thị Minh	Loan	B16KDN	10		7	8	7.5	8.5	8.5		6.5	8.0	Tằm	
40	162320296	Phan Thị Hương	Loan	B16KDN	10		7.5	7	7	6.5	7.5		6.5	7.4	Baý pháy Bẩu	

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	BÀI 1	BÀI 2	BÀI 3	BÀI 4	BÀI 5	G	F	SỐ	CHỮ		
					15		10	15	15	15	10		20	100			
41	162320297	Phan Thị Kim	Loan	B16KDN	10		6	7	7.5	7	7.5		6.5	7.4	Báý pháý Bảú		
42	162320300	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	B16KDN	9		7.5	7.5	6.5	6	7.5		6.5	7.2	Báý pháý Hai		
43	162320301	Phạm Thị	Mai	B16KDN	10		7.5	7	8	7	8		7	7.8	Báý pháý Tảì		
44	162320302	Phan Văn	Mới	B16KDN	10		6	6	6	6	6		5	6.4	Sảủ pháý Bảú		
45	162320303	Đàm Thị Kim	Nga	B16KDN	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
46	162320304	Đoàn Thị Thanh	Nga	B16KDN	10		7	7	6.5	6.5	7		6.5	7.2	Báý pháý Hai		
47	162320305	Phan Nguyễn Phương	Nga	B16KDN	10		7	7	6.5	5	7		6.5	7.0	Báý		
48	162320306	Đào Nguyễn Thị Kim	Ngọc	B16KDN	9		4	6	6.5	6	6.5		6	6.4	Sảủ pháý Bảú		
49	162320307	Phan Hoàng Bảo	Ngọc	B16KDN	10		8.5	7.5	7	5	8		8	7.7	Báý pháý Báý		
50	162320309	Hà Lý Phúc	Nguyễn	B16KDN	10		7	5	7	6	7.5		7.5	7.2	Báý pháý Hai		
51	162320310	Lê Thị Ánh	Nguyệt	B16KDN	10		7	7.5	6.5	4	7.5		6.5	7.0	Báý		
52	162320311	Lê Thị Thanh	Nhàn	B16KDN	10		8.5	8	7	6	8.5		7.5	7.9	Báý pháý Chề		
53	162320314	Vô Thị Minh	Nho	B16KDN	10		7	7	7.5	7.5	7.5		7.5	7.8	Báý pháý Tảì		
54	162320315	Nguyễn Thị Nguyệt	Nhung	B16KDN	10		7.5	7	5	7	7.5		7.5	7.4	Báý pháý Bảú		
55	162320317	Trần Thị Cẩm	Nhung	B16KDN	10		7.5	7	8	7.5	8		7.5	7.9	Báý pháý Chề		
56	162320318	Lê Thị Kim	Như	B16KDN	9		6	6.5	7.5	6.5	7.5		6	7.0	Báý		
57	162320319	Hồ Thị	Ninh	B16KDN	9		7	5	7	6.5	7		6.5	6.8	Sảủ pháý Tảì		
58	162320320	Huỳnh Thị Ngọc	Oanh	B16KDN	9		6.5	6	7	5	7		6.5	6.7	Sảủ pháý Báý		
59	162320321	Hoàng Nhã	Phương	B16KDN	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
60	162320322	Nguyễn Phan Quỳnh	Phương	B16KDN	10		7.5	7	8	6.5	8		8	7.9	Báý pháý Chề		
61	162320325	Nguyễn Thị	Quỳnh	B16KDN	9		5	5	7	5	7		5	6.1	Sảủ pháý Mảú		
62	162320326	Nguyễn Thị Uyên	Sa	B16KDN	9		6.5	7.5	6.5	6	7.5		5.5	6.9	Sảủ pháý Chề		
63	162320327	Vô Thị Ny	Sa	B16KDN	9		8	6.5	7.5	7	8		6	7.3	Báý pháý Ba		
64	162320330	Nguyễn Thị Cẩm	Thanh	B16KDN	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
65	162320332	Đặng Thị	Thảo	B16KDN	10		8	7.5	8	8	8		7.5	8.1	Tảì pháý Mảú		
66	162320334	Nguyễn Thị	Thảo	B16KDN	10		7	7.5	8	5.5	8		7	7.6	Báý pháý Sảủ		
67	162320337	Nguyễn Thị	Thùy	B16KDN	9		6	5.5	7.5	6	7.5		6	6.8	Sảủ pháý Tảì		
68	162320338	Nguyễn Thị Thu	Thủy	B16KDN	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
69	162320340	Trần Thị Hương	Thủy	B16KDN	10		5	4	7	5	7		5.5	6.2	Sảủ pháý Hai		
70	162320341	Lại Thị Thanh	Thúy	B16KDN	10		7	6.5	7.5	6.5	7.5		7	7.4	Báý pháý Bảú		
71	162320342	Vũ Lê Thu	Thúy	B16KDN	10		6.5	5	7	7	8		8	7.4	Báý pháý Bảú		
72	162320343	Lê Thị Thu	Thương	B16KDN	10		7.5	7	7	7	6		7.5	7.5	Báý pháý Nảì		
73	162320345	Nguyễn Thanh	Tín	B16KDN	10		6.5	7	7.5	8	8		6	7.5	Báý pháý Nảì		
74	162320346	Hoàng Thị Xuân	Trang	B16KDN	10		6	7	7.5	8	8		6.5	7.6	Báý pháý Sảủ		
75	162320347	Lâm Thị Thùy	Trang	B16KDN	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
76	162320348	Lê Thùy	Trang	B16KDN	10		7	8	6.5	5.5	8		7.5	7.5	Báý pháý Nảì		
77	162320349	Lương Thị	Trang	B16KDN	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
78	162320350	Nguyễn Thị Huyền	Trang	B16KDN	9		7	5.5	7	6	7		5	6.5	Sảủ pháý Nảì		
79	162320354	Khắc Nguyễn Thùy	Trâm	B16KDN	9		7	7	7	6.5	8		8	7.5	Báý pháý Nảì		
80	162320355	Nguyễn Thị Lệ	Trâm	B16KDN	9		7	6.5	7	7.5	7.5		7.5	7.5	Báý pháý Nảì		
81	162320356	Huỳnh Thị Diễm	Trinh	B16KDN	10		7.5	6	8	6.5	8		8	7.7	Báý pháý Báý		
82	162320357	Phan Quốc	Tuấn	B16KDN	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
83	162320358	Phạm Thị	Tuyền	B16KDN	10		7.5	8	8.5	8	8.5		7.5	8.3	Tảì pháý Ba		

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOẢ B16KDN

TRỪ KINH TẾ

TÊN HỌC PHẦN: VIẾT TIẾNG VIỆT

MÃ HỌC PHẦN : COM - 102

ĐỢT HỌC

TÍN CHỈ

LẦN THI

3

2

1

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	BÀI 1	BÀI 2	BÀI 3	BÀI 4	BÀI 5	G	F	SỐ	CHỮ		
					15		10	15	15	15	10		20	100			
84	162320359	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	B16KDN	10		7	7	7.5	7	8		8	7.8	Baý pháy Tañ		
85	162320360	Lê Hạnh	Uyên	B16KDN	9		7.5	6.5	6	7	7.5		7	7.2	Baý pháy Hai		
86	162320361	Trần Hoàng Phương	Uyên	B16KDN	10		8	8	7	6.5	8		7	7.7	Baý pháy Baý		
87	162320363	Nguyễn Thị Hồng	Việt	B16KDN	10		6.5	5	6.5	5	6.5		6	6.5	Saũ pháy Nàm		
88	162320364	Trương Thị Tường	Vy	B16KDN	10		7.5	7	7	6.5	7.5		7.5	7.6	Baý pháy Saũ		
89	162320365	Lê Hải	Yến	B16KDN	10		7.5	7	7	7	7.5		7.5	7.7	Baý pháy Baý		
90	162320366	Lê Thị Hải	Yến	B16KDN	10		8	7.5	7	8	8		7.5	8.0	Tañ		
91	162320367	Nguyễn Thị Hải	Yến	B16KDN	10		7	7.5	8	7.5	8		8	8.1	Tañ pháy Mắi		
92	162330892	Trần Thị Hoành	Trang	B16KDN	8		7.5	7.5	7	6	7.5		6.5	7.1	Baý pháy Mắi		
93	162330896	Phạm Thị Diễm	Trâm	B16KDN	10		6.5	8	6.5	6.5	7.5		7.5	7.6	Baý pháy Saũ		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU				
STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	81	87%	
2	Số sinh viên nợ	12	13%	
TỔNG CỘNG :		93	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA

(ký và ghi rõ họ tên)

TTĐT TỪ XA & T.XUYỀN

(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 08 năm 2011

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Phạm Hồng Phương

TS. Hồ Văn Nhân

ThS. Nguyễn Hữu Phú